

## HIỆN TRẠNG CANH TÁC VÀ SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRÊN DƯA HẦU MÙA MƯA TẠI TỈNH CẦN THƠ, TIỀN GIANG VÀ TRÀ VINH

Trần Thị Ba, Nguyễn Bảo Vệ và Võ Thị Bích Thủy<sup>1</sup>

### ABSTRACT

*Studies were made by a rainy season watermelon cultural practice survey in the Mekong Delta. Interviewing by questionnaires with 61, 114 and 72 households in Can Tho, Tien Giang and Tra Vinh provinces, respectively. Results showed that farmers' s practice in Tien Giang were rather good (the highest percentage of households using plastic mulch, hybrid seeds, reasonable fertilizers, pruning, getting income because of good market price), and the worst was in Tra Vinh (the highest percentage of households producing seeds themselves from F1, mulching by ricestraw, no pruning and lowest profit), but the highest fruit yield was in Can Tho. There were a hundred kinds of pesticide using on watermelon production, with average 8-9 sprays per crop, only 14,2% households applied IPM (Integrated Pest Management).*

**Keywords:** *Watermelon, culture technique, cultivars, mulches, pests, insecticides.*

**Title:** *Survey of culture technique, pesticide uses on rainy season watermelon at Can Tho, Tien Giang and Tra Vinh provinces, year 2002.*

### TÓM TẮT

*Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát hiện trạng canh tác Dưa hấu trong mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long. Phỏng vấn bằng phiếu điều tra với 61, 114 và 72 nông hộ tương ứng ở các tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh. Kết quả cho thấy thực tiễn canh tác của nông dân tại Tiền Giang khá tốt (tỉ lệ cao nhất về nông hộ sử dụng màng phủ nông nghiệp, hạt giống lai, sử dụng phân bón hợp lý, tỉa cành nhánh, cho thu nhập cao bởi vì bán giá sản phẩm cao), và thấp nhất là ở tỉnh Trà Vinh (tỉ lệ cao nhất về nông hộ tự để giống lai từ giống lai F1, phủ liếp bằng rơm, không tỉa cành và cho lợi nhuận thấp nhất) nhưng năng suất trái cao nhất ở Cần Thơ. Có hàng trăm loại thuốc trừ sâu sử dụng trong sản xuất Dưa hấu, trung bình phun 8-9 lần/vụ, chỉ có 14,2% nông hộ áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp.*

**Từ khóa:** *Dưa hấu, kỹ thuật canh tác, giống, màng phủ, dịch hại, thuốc trừ sâu.*

### 1 MỞ ĐẦU

Việc ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật về giống và màng phủ nông nghiệp trong những năm gần đây cho thấy Dưa hấu có thể trồng được trong mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và mang lại hiệu quả kinh tế rất hấp dẫn. Chính vì thế mà diện tích trồng Dưa hấu ngày càng tăng nhanh, đặc biệt là mùa mưa mà trước đây hoàn toàn không trồng được. Thế nhưng việc sản xuất còn gặp một số khó khăn làm cho thu nhập của người trồng dưa trái vụ rất khá bấp bênh. Do đó, đề tài “Điều tra hiện trạng canh tác, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên Dưa hấu mùa mưa tại tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang, Trà Vinh” được thực hiện nhằm tìm hiểu những trở ngại chính như sâu bệnh hại, cách phòng trị chúng, cách chọn giống trồng, xử lý đất, phủ liếp, tỉa cành, bón phân... nhằm tìm biện pháp khắc phục, giúp nông dân trồng Dưa hấu mùa mưa đạt hiệu quả cao hơn.

<sup>1</sup> Bộ Môn Khoa Học Cây Trồng, Khoa Nông Nghiệp, Đại học Cần Thơ

## 2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 2.1 Phương tiện

Phiếu điều tra được soạn trước các câu hỏi phỏng vấn có liên quan đến các vấn đề kỹ thuật canh tác như thời vụ, giống, phân bón, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh, các loại nông dược thường được sử dụng, năng suất, hiệu quả kinh tế... Có 61, 114 và 72 hộ nông dân của tỉnh Cần Thơ (CT), Tiền Giang (TG) và Trà Vinh (TV) được phỏng vấn.

### 2.2 Phương pháp

- *Thu thập thông tin*: tiếp xúc trực tiếp trạm Bảo Vệ Thực Vật và trạm Khuyến Nông các huyện để nắm được tình hình sản xuất Dưa hấu mùa mưa ở từng địa phương.
- *Chọn điểm điều tra nông dân*: điều tra nông dân trồng Dưa hấu mùa mưa chủ yếu ở 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh. Trong đó chọn ra những địa phương trồng Dưa hấu mùa mưa tương đối tập trung.
- *Đối tượng điều tra*: dựa vào kinh nghiệm chọn ra những hộ đã trồng Dưa hấu mùa mưa ít nhất là 1 vụ và diện tích ít nhất là 1.000 m<sup>2</sup>.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Biện pháp xử lý đất

Bảng 1 cho thấy nông dân có xử lý đất bằng thuốc hóa học chiếm 82%. Việc làm này là tốt, vì xử lý đất (thuốc sâu, bệnh) trên nền đất canh tác 3 vụ/năm giúp giảm được sâu bệnh hại. Nhưng kết quả về xử lý vôi thì ngược lại, đa số nông dân ít quan tâm đến việc bón vôi cho ruộng (chiếm 63,2%). Tiền Giang có tỉ lệ hộ nông dân xử lý đất cao hơn nhưng lại bón vôi thấp hơn 2 tỉnh kia. Ở khâu này nông dân nên chú ý bón vôi để giúp trung hòa đất, hạn chế được một số mầm bệnh có trong đất và cung cấp chất Can xi giúp vỏ trái cứng chắc, ít bị nứt hay thối trái (Trần Thị Ba và *ctv.*, 1999; Trần Ngọc Ân, 2000).

**Bảng 1: Số hộ và phần trăm số hộ xử lý đất trồng Dưa hấu trong mùa mưa tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Xử lý đất	Cần Thơ		Tiền Giang		Trà Vinh		3 tỉnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
<b>Bảng thuốc</b>								
Có	44	72	104	91	54	75	202	82
Không	17	28	10	9	18	25	45	18
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	
$\chi^2$	11,9**		77,5**		18,0**			
<b>Bảng vôi</b>								
Có	36	59	33	29	22	30,5	91	36,8
Không	25	41	81	71	50	69,5	156	63,2
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	100
$\chi^2$	2,0 <sup>ns</sup>		20,2**		10,9**			

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%; ns: không khác biệt có ý nghĩa thống kê

#### 3.1.1 Các loại thuốc trừ sâu dùng xử lý đất

Kết quả Bảng 2 cho thấy nông dân sử dụng thuốc trừ sâu dùng để xử lý đất rất đa dạng và mức độ lựa chọn loại thuốc để xử lý đất của nông dân cũng không như nhau ở mức ý nghĩa 1%. Thuốc Furadan 3G (39,9%) và Basudin 10H (32%) là hai loại thuốc được nông dân dùng phổ biến nhất. Furadan là loại thuốc có độ độc cao, hạn chế sử dụng trên rau nhưng lại được nông dân sử dụng nhiều nhất, đặc biệt ở Trà Vinh (60%) và Cần Thơ (40%). Có lẽ nông dân chưa hiểu rõ độc tính của thuốc này đối với con người và môi

trường, do vậy cần thông tin thêm cho nông dân để sử dụng một cách an toàn hơn. Riêng tỉnh Cần Thơ thì nông dân dùng phổ biến tới 4 loại là Basudin 10H (26%), Regent 3G (24%), Bam 5H (20%) và Furadan 3G (18%). Tỉnh Tiền Giang cho kết quả giống kết quả chung của vùng là đa số nông dân dùng Furadan 3G (40%) và Basudin 10H (40%).

Ngoài các loại thuốc sử dụng phổ biến trên, nông dân còn dùng nhiều loại thuốc trừ sâu khác để xử lý đất như Bitox 40EC, Cyper 25EC, Sattrungdan 5H, Karate 2,5EC... nhưng tỉ lệ số hộ sử dụng rất thấp (không trình bày trong Bảng 2).

**Bảng 2: Tỉ lệ hộ nông dân (%) sử dụng thuốc trừ sâu để xử lý đất tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Loại thuốc	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	Tổng 3 tỉnh
Bam 5H	20,0	0,0	3,9	4,8
Basudin 10H	26,0	40,0	15,7	32,0
Furadan 3G	18,0	40,0	60,0	39,9
Padan 10G	4,0	1,5	3,9	2,6
Regent 3G	24,0	3,7	7,0	8,7
Nhiều loại khác	...	...	...	...
Tổng số hộ	46	134	51	231
$\chi^2$	35,8**	397,4**	143,7**	

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%;

### 3.1.2 Các loại thuốc bệnh dùng xử lý đất

Các loại thuốc bệnh thường được dùng xử lý đất trong vùng điều tra là Kitazin 17G, Benlate-C 50WP, Copper-Zinc 75WP, Zineb 80WP và Copper-B 75WP (Bảng 3). Trong đó, phổ biến nhất là Kitazin 17G, đặc biệt tỉnh Trà Vinh chiếm đến 39,3% và Tiền Giang 23,8%. Điều này do nông dân biết rõ tác dụng của loại thuốc này là đặc trị bệnh Đốm vằn trên lúa, đồng thời nó cũng là tác nhân gây bệnh héo cây con (*Rhizoctonia* sp.) trên Dưa hấu. Như thế là tốt vì hầu hết Dưa hấu mùa mưa được trồng trên nền đất lúa, mà bệnh Đốm vằn rất phổ biến trên cây lúa. Nông dân Cần Thơ thì dùng thích dùng Zineb 80WP nhất (21%). Bên cạnh Kitazin, nông dân Tiền Giang còn thích dùng Benlate-C 50WP (22,2%) và Copper-Zinc 75WP (17,1%) còn nông dân Trà Vinh thích dùng Copper-B 75WP (14,7%).

Ngoài các loại thuốc trên nhiều loại thuốc trừ bệnh khác được dùng để xử lý đất như Rovral 50WP, Score 250EC, Tilt 250EC, Viben-C 50BTN,... có tỉ lệ hộ sử dụng rất thấp (không trình bày trong Bảng 3).

**Bảng 3: Phần trăm số hộ sử dụng thuốc trừ bệnh để xử lý đất tại Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Loại thuốc	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	Tổng 3 tỉnh
Aliette 80WP	7,7	2,7	0,0	3,0
Benlate-C 50WP	0,0	22,9	6,6	13,0
Copper-B 75WP	13,4	6,1	14,7	10,0
Copper-Zinc 85WP	5,8	17,6	6,6	11,7
Kitazin 17G	9,6	23,8	39,3	24,3
Ridomil 5G	9,6	6,2	6,6	7,1
Topsin-M 80WP	7,8	0,9	0,0	2,2
Validacin 2L	7,8	4,5	8,1	6,2
Zineb 80WP	21,0	7,2	6,6	10,0
Nhiều loại khác	...	...	...	...
Tổng số hộ	52	117	61	230
$\chi^2$	10,0*	127,2**	52,8**	

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%;

### 3.2 Sử dụng nông dược

Thuốc trừ sâu được nông dân dùng trong vùng điều tra rất đa dạng, tổng cộng có 52 loại thuộc 9 nhóm hóa học. Trong đó, nhóm Cúc tổng hợp được dùng nhiều nhất với 17 loại và nhóm sinh học ít độc (4 loại). Đó là 2 nhóm thuốc ít độc, tương đối an toàn cho con người và môi trường (Phạm Văn Biên và *ctv.*, 2000). Trong các loại này thì Regent 800WP được sử dụng nhiều nhất ở cả ba tỉnh, bình quân 17,8% số nông hộ trả lời phỏng vấn. Ngoài ra, nhóm thuốc rất độc như Chlor và lân hữu cơ vẫn còn được dùng với tỉ lệ ít hơn, nhưng nông dân Cần Thơ sử dụng nhiều hơn hết (Bảng 4).

**Bảng 4: Các loại thuốc trừ sâu (%) được nông dân sử dụng tại ba vùng điều tra do nông dân trả lời phỏng vấn. Đại Học Cần Thơ, tháng 8-10/2002**

STT	Gốc hóa học	Loại thuốc	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	Tổng 3 tỉnh
1	Chlor hữu cơ	Thiodan 35EC	0,3	0,0	0,0	0,1
2		Basudin 40EC	0,9	0,7	1,0	1,0
3		Mocap 10G	0,0	0,3	0,0	0,1
4		Monitor 50SC	3,0	1,2	2,0	2,0
5	Lân hữu cơ	Monster 40EC	0,6	0,0	0,0	0,2
6		Selecron 500EC	0,0	2,3	0,0	1,0
7		Supracid 50EC	3,6	0,0	0,3	1,1
8	Carbamate	Furadan 3G	0,3	0,0	0,0	0,1
9		Lannate 40SP	6,0	7,1	0,0	5,8
10		Oncol 20EC	2,4	0,7	0,5	1,1
11		Sevin 85WP	0,0	0,9	0,0	0,4
12		Superkill 50EC	0,0	0,5	0,0	0,2
13		Vibasa 50ND	0,0	0,5	0,0	0,2
14		Arrivo 25EC	0,3	0,3	0,0	0,1
15		Alphan 5EC	0,3	0,0	0,0	0,1
16		Cyper 25EC	0,6	0,7	0,0	0,4
17		Cyrin 25EC	0,0	1,4	0,3	0,6
18	Cúc tổng hợp	Cyper-Alpha 5ND	0,9	0,7	3,4	1,7
19		Cymerin 25EC	0,0	0,5	0,3	0,3
20		Cyperan 25EC	3,9	0,5	0,0	1,4
21		Decis 2,5EC	3,6	6,0	5,5	5,7
22		Fastac 5EC	0,3	1,2	6,3	2,9
23		Karate 2,5EC	4,3	6,0	5,5	5,8
24		Peran 10EC	5,4	3,2	0,8	3,3
25		Sumi-Alpha 5EC	0,9	0,9	0,8	1,0
26		Sherpa 10EC	2,1	3,4	4,8	3,9
27		Secsaigon 25EC	0,0	0,3	0,3	0,2
28		Sapen-Alpha 5EC	0,0	0,3	0,0	0,1
29		Tiper 25EC	0,0	0,7	0,0	0,3
30		Ustaad 10EC	0,3	0,0	0,0	0,1
31	Điều tiết sinh trưởng	Atabron 5EC	11,8	13,3	12,0	12,5
32		Aplaud 10WP	0,0	0,9	0,0	0,4
33		Trebon 10EC	1,2	0,7	0,3	0,7
34	Sinh học	Biocin 16WP	0,6	0,0	0,5	0,4
35		Biobit 16K,WP	0,3	0,9	0,0	0,4
36		Vertimec 108EC	4,5	6,0	2,6	4,5
37		Tapky 1,8EC	4,3	11,0	3,2	0,5
38	Carbamate+ Cúc	Metox 809,8 EC	0,3	0,0	0,0	0,1
39	Lân + Cúc	Fenbis 25EC	0,0	0,3	1,0	0,4
40		Polytrin 440EC	1,8	0,5	2,6	1,6

STT	Gốc hóa học	Loại thuốc	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	Tổng 3 tỉnh
41	Nhóm khác	Armide 50EC	5,4	0,7	2,9	2,8
42		Actara 25WG	2,7	0,9	0,8	1,4
43		Confidor 100SL	2,7	3,7	6,1	4,2
44		DC-Tronplus 98,8EC	1,6	0,0	0,3	0,6
45		Mimic 20F	0,0	0,5	1,0	0,5
46		Netocin 18SL	0,6	0,3	0,0	0,3
47		Pegasus 50SC	1,2	0,3	0,8	0,7
48		Regent 800WP	17,5	14,4	22,0	17,8
49		Sattrungdan 18SL	0,3	0,0	0,3	0,2
50		Sincosin 0,56SL	0,0	0,0	0,3	0,1
51		Trigard 100SL	1,2	2,3	3,4	2,4
52		Padan 95SP	1,8	3,9	3,4	3,4
Tổng số hộ			331	436	378	1.145
$\chi^2$			517,3**	909,8**	731,4**	

2dl = 310\*\*; Mức ý nghĩa: \*\*: 1%.

Ghi chú: Không kiểm định giá trị 0 trong cùng một cột

Có 58 loại thuốc trừ bệnh thuộc 10 nhóm hóa học. Nông dân sử dụng nhiều nhất là Ridomil 240 EC chiếm 15,6% (thuộc nhóm Alanin) và Topsin 50 WP chiếm 13,3% (thuộc nhóm Carbamate), đây là 2 loại thuốc có phổ tác dụng rộng phòng trị được nhiều loại bệnh nên được sử dụng nhiều (Phạm Văn Biên và ctv., 2000).

Bảng 5 cho thấy số hộ nông dân phun thuốc bảo vệ thực vật qua các mức nồng độ là không như nhau với mức ý nghĩa thống kê 1%. Phần lớn nông dân trong vùng điều tra phun thuốc theo khuyến cáo: thuốc trừ sâu là 64,2% và thuốc trừ bệnh là 73,0%. Trong từng tỉnh kết quả cũng cho tương tự, cả thuốc trừ sâu và thuốc trừ bệnh đều có trên 50% nông hộ phun theo khuyến cáo. Điều này, cho thấy hiện nay nông dân rất tiến bộ, áp dụng thuốc theo khuyến cáo, làm sâu bệnh ít kháng thuốc (Phạm Văn Biên và ctv., 2000; Nguyễn Thiện, 2001) nên việc phòng trị có hiệu quả hơn.

**Bảng 5: Số hộ và tỉ lệ hộ(%) phun thuốc bảo vệ thực vật tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Nồng độ	Cần Thơ		Tiền Giang		Trà Vinh		3 tỉnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
<b>Thuốc trừ sâu</b>								
Cao hơn khuyến cáo	5	8,6	37	32,1	7	9,8	51	20,4
Theo khuyến cáo	6	10,1	57	50,0	54	74,7	158	64,2
Thấp hơn khuyến cáo	50	81,3	20	17,9	11	15,5	38	15,4
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	100
$\chi^2$	276,2**		86,5**		243,0**			
<b>Thuốc trừ bệnh</b>								
Cao hơn khuyến cáo	7	12,2	35	30,7	10	13,9	52	21,0
Theo khuyến cáo	51	82,8	69	60,2	60	84,0	180	73,0
Thấp hơn khuyến cáo	3	5,0	10	9,1	2	2,1	15	6,0
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	100
$\chi^2$	247,0**		164,5**		328,4**			

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%

### 3.3 Kỹ thuật phủ liếp

Phần lớn nông dân dùng màng phủ plastic để phủ liếp trồng Dưa hấu (chiếm 90,3%). Bảng 6 cho thấy nông dân trong vùng điều tra mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật mới

trong sản xuất thông qua các phương tiện truyền hình, tham quan mô hình trình diễn và được dự các lớp tập huấn.

**Bảng 6: Số hộ và phần trăm số hộ có kỹ thuật phủ liếp trồng Dưa hấu trong mùa mưa tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Màng phủ	Cần Thơ		Tiền Giang		Trà Vinh		3 tỉnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Không phủ	0	0	0	0	10	13,9	10	4,0
Phủ plastic	53	86,9	114	100	56	77,8	223	90,3
Phủ rom	8	13,1	0	0	6	8,3	14	5,7
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	100
$\chi^2$	33,2**		-		64,3**			

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%

Tiền Giang có 100% hộ sử dụng màng phủ, nói lên trình độ canh tác Dưa hấu của nông dân ở đây. Dùng màng phủ trong sản xuất mang lại nhiều lợi ích như: giúp mặt đất không bị lèn, ít bị ú nước trong liếp sau khi mưa, ít rửa trôi phân do mưa, hạn chế cỏ dại, sâu bệnh và bảo vệ cây dưa ít bị những tổn thương cơ học do đó năng suất tăng lên rõ rệt (William and Lamont, 1991; Trần Thị Ba và ctv, 1999; Phạm Hồng Cúc, 2001).

### 3.4 Sử dụng giống Dưa hấu

Giống Dưa hấu được trồng ở 3 tỉnh rất khác biệt nhau ở mức ý nghĩa 1% (Bảng 7), gần hai phần ba nông dân trồng giống Hắc Mỹ Nhân (F1, Trang Nông) 32,8% và Hắc Mỹ Nhân (F1, Nông Hữu) 25,5%. Bởi vì đây là hai giống có những đặc tính tốt như: kháng sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển nhanh, vỏ cứng, chất lượng ngon và trồng được trong mùa mưa (Phạm Hồng Cúc, 2001). Từ đó cho thấy, nông dân đã phân nào hiểu được vai trò quan trọng của giống Dưa hấu trong sản xuất.

**Bảng 7: Phần trăm số hộ sử dụng giống Dưa hấu trong mùa mưa tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Giống Dưa hấu	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	3 tỉnh
Hắc Mỹ Nhân (F1, Nông Hữu)	42,6	32,5	0	25,5
Hắc Mỹ Nhân (F2, Nông Hữu)	1,6	0	0	0,4
Hắc Mỹ Nhân (Hột rời, Nông Hữu)	4,9	30,7	0	15,4
Hắc Mỹ Nhân (F1, Trang Nông)	31,1	14,9	63,7	32,8
Hắc Mỹ Nhân (F2, Trang Nông)	0	0	1,4	0,4
Thanh Mỹ Nhân (F1, Trang Nông)	3,3	0	0	0,8
Tiểu Long (F1, Trang Nông)	3,3	1,8	1,4	2,1
Tiểu Long (F2, Trang Nông)	1,6	0	0	0,4
Xuân Lan F1, Trang Nông)	0	3,5	0	1,6
Hắc Mỹ Nhân (F1, Á Châu)	0	3,5	0	1,6
Hắc Mỹ Nhân (F1, Thái)	4,9	10,4	9,7	8,9
Hắc Mỹ Nhân (F1, Đại Địa)	0	0	6,9	2,1
An Tiêm (F1)	0	0	1,7	0,8
An Tiêm (F2)	6,7	0	6,9	3,8
Bi đường (Địa phương)	0	0	8,3	2,2
Tổng số hộ	61	114	72	247
$\chi^2$	98,5**	154,9**	168,7**	

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%

Trong số đó, nông dân Cần Thơ tập trung trồng nhiều nhất là Hắc Mỹ Nhân (F1, Nông Hữu) 42,6%) và (F1, Trang Nông) 31,1%, còn nông dân Tiền Giang chọn Hắc Mỹ Nhân, F1 và giống hột rời của công ty Nông Hữu với tỉ lệ tương đương nhau 32,5% và 30,7% (giống hột rời là giống không được đóng gói và không có tem nhãn, không do công ty Nông Hữu sản xuất, không được công khai bán ở thị trường nhưng nông dân thích sử

dụng vì giá rẻ hơn nhiều so với giống F1 mặc dù chất lượng không ổn định). Riêng nông dân Trà Vinh sử dụng giống Hắc Mỹ Nhân, F1 của công ty Trang Nông rất cao (63,7%). Tuy nhiên, vẫn còn vài phần trăm nông dân chưa hiểu biết về giống hoặc do không có vốn để mua giống F1 nên tự để giống lại (giống Hắc Mỹ Nhân, F2), có 0,8% nông dân sử dụng giống An Tiêm F1 và 3,8% tự để giống lại (An Tiêm F2) để trồng trong mùa mưa, đặc biệt nhiều nhất ở Trà Vinh, còn nông dân Tiền Giang hoàn toàn sử dụng giống lai F1. Qua kết quả trình bày trên cho thấy nông dân trồng Dưa hấu ở Trà Vinh có trình độ hiểu biết về giống kém nhất, đây là nơi tiếp cận kỹ thuật trồng Dưa hấu mùa mưa chậm nhất, trái lại Tiền Giang là nơi đi đầu trong việc trồng Dưa hấu trái vụ (mùa mưa) thành công ở ĐBSCL nhờ ưu thế tự nhiên là vị trí gần thành phố Hồ Chí Minh, được các viện, trường, công ty sản xuất màng phủ, hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu... thực hiện các mô hình ứng dụng kỹ thuật mới giúp cho họ có điều kiện tiếp cận nhanh những thành tựu khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất. Đồng thời, sản phẩm của họ được tiêu thụ dễ dàng ở thành phố Hồ Chí Minh, một thị trường rất lớn và giá cả hấp dẫn mà tỉnh Cần Thơ và Trà Vinh không thể so sánh được.

### 3.5 Kỹ thuật tỉa nhánh

Phần lớn nông dân trong vùng điều tra trồng Dưa hấu biết áp dụng kỹ thuật tỉa nhánh. Đây là kỹ thuật chăm sóc Dưa hấu quan trọng, nhất là trong mùa mưa mà 100% hộ ở Tiền Giang đều áp dụng, trong khi Cần Thơ là 32,8% và Trà Vinh là 25% hộ hoàn toàn để cây Dưa hấu phát triển tự nhiên. Trồng Dưa hấu không tỉa nhánh là không đúng kỹ thuật vì bộ lá rậm rạp, nhiều cành vô hiệu chúng nằm chồng chất lên nhau, giảm khả năng quang hợp, khó chăm sóc, sâu bệnh nhiều và năng suất rất thấp (Đồng Thanh Liêm, 2001).

Đa số nông dân ở ba tỉnh tỉa nhánh chừa 1 thân chính và 2 nhánh chèo (66%), riêng Tiền Giang chiếm tỉ lệ cao nhất (90,4%). Đây là kỹ thuật tỉa nhánh thích hợp nhất trong mùa mưa. Điều này cho thấy trình độ sản xuất Dưa hấu của nông dân Tiền Giang cao nhất bởi vì họ được dự nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật trồng Dưa hấu của trường Đại Học Cần Thơ, Trung Tâm Khuyến Nông và công ty Giống cây trồng. Còn biện pháp tỉa chừa 1 thân chính + 1 dây chèo hoặc ngắt đọt lúc cây có 4-5 lá để chúng phát triển 2 thân chèo phù hợp trong mùa nắng (Trần Thị Ba và ctv., 1999; Phạm Hồng Cúc, 2000).

**Bảng 8: Số hộ và phần trăm số hộ áp dụng kỹ thuật tỉa nhánh Dưa hấu trong mùa mưa tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Tỉa nhánh	Cần Thơ		Tiền Giang		Trà Vinh		3 tỉnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Không tỉa nhánh	20	32,8	0	0	18	25,0	38	15,4
1 thân chính + 1 nhánh chèo	6	9,8	3	2,6	24	33,3	33	13,4
1 thân chính + 2 nhánh chèo	30	49,2	103	90,4	30	41,7	163	66,0
2 nhánh chèo	5	8,2	8	7,0	0	0	13	5,2
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	100
$\chi^2$	28,2**		167,1**		3,0ns			

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%; ns: không khác biệt có ý nghĩa thống kê

### 3.6 Về lượng phân bón

Bảng 9 cho thấy còn nhiều nông dân tại vùng điều tra bón NPK quá thừa (390 - 423 - 250 kg NPK/ha), cao gấp 3-4 lần so với khuyến cáo (155- 70-80 NPK/ha). Nhưng cũng có một số hộ bón phân rất ít (56,0-19,6-0,0 NPK/ha) lại thiếu trầm trọng, lượng đạm bón thiếu 2-3 lần, Lân bón thiếu 6-8 lần và đặc biệt không bón Kali. Nếu xét trên tổng thể thì lượng phân bón trung bình của nông dân khá phù hợp 155-170-80 kg NPK/ha. Tuy nhiên, cần thực hiện các mô hình trình diễn về phân bón, đồng thời mở thêm lớp tập huấn

kỹ thuật sử dụng phân bón hợp lý vừa tiết kiệm phân bón vừa tăng năng suất và chất lượng cho những nông dân trồng Dưa hấu còn ít hiểu biết ít về sử dụng phân bón.

**Bảng 9: Lượng phân bón (kg/ha) sử dụng trên một hecta Dưa hấu của nông dân tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Loại phân	Ngưỡng bón			Độ lệch chuẩn
	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	
Đạm (N)	390	56,0	155	61,2
Lân (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	423	19,6	170	63,0
Kali (K <sub>2</sub> O)	250	0,0	80	41,3

### 3.7 Năng suất

**Bảng 10: Số hộ và phần trăm số hộ có năng suất Dưa hấu tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Năng suất (t/ha)	Cần Thơ		Tiền Giang		Trà Vinh		3 tỉnh	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
< 10	1	1,6	1	0,9	12	16,7	14	5,7
10-14,9	7	11,5	15	13,2	9	12,5	31	12,6
15-19,9	9	14,8	35	30,7	21	29,2	65	26,3
20-24,9	27	44,3	36	9,1	15	20,8	98	39,7
25-29,9	14	23,0	7	6,1	13	18,1	34	13,7
> 30	3	4,8	0	0	2	2,7	5	2,0
Tổng số hộ	61	100	114	100	72	100	247	
$\chi^2$	36,6**		85,5**		28,1**			

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%

Bảng 10 cho thấy phần lớn nông dân trồng Dưa hấu trong vùng điều tra đã đạt ở hai mức năng suất từ 20-25 t/ha là 39,7% và từ 15-20 t/ha là 26,3% nhưng chưa phát huy hết tiềm năng của giống, có lẽ là do mùa mưa thời tiết không thuận lợi và sâu bệnh xuất hiện nhiều, nhưng vẫn có một số hộ đạt tiềm năng của giống là 25-30 t/ha (13,7%), riêng Cần Thơ đạt cao nhất (23%), cá biệt có một số ít hộ vượt hơn 30 t/ha (4,8%). Điều này, cho thấy những nông hộ đạt năng suất cao ở Cần Thơ do có điều kiện canh tác thuận lợi như: đất phù sa ven sông được nước lũ bồi đắp hàng năm, nắm vững kỹ thuật canh tác do trường Đại Học Cần Thơ và trung tâm Khuyến Nông đã mở nhiều lớp tập huấn, đồng thời có nhiều mô hình trình diễn về màng phủ nông nghiệp và giống mới chất lượng cao của các công ty sản xuất màng phủ và cung cấp giống cây trồng.

Còn nông dân Tiền Giang trồng Dưa hấu mùa mưa đạt năng suất ổn định nhất (15-25 t/ha) chiếm gần 80%, nông dân Cần Thơ đạt năng suất rất cao (20-30 t/ha) chiếm 67,3%, kém nhất là Trà Vinh năng suất rất biến động từ thấp nhất (<10 t/ha) đến cao nhất (>30 t/ha). Điều này, chứng tỏ trình độ kỹ thuật canh tác của nông dân Tiền Giang, Cần Thơ khá tốt.

Riêng tỉnh Trà Vinh vẫn có một phần không nhỏ số hộ đạt năng suất dưới 10 t/ha (16,7%) là do những hộ này người Khmer, nằm trên đất giồng cát (huyện Cầu Ngang) nghèo dinh dưỡng, trồng giống địa phương (năng suất rất thấp, trung bình chỉ đạt 7,2 t/ha), không sử dụng màng phủ do thiếu vốn và trình độ kỹ thuật thấp, không nắm vững kỹ thuật canh tác.

### 3.8 Hiệu quả kinh tế

Bảng 11 cho thấy mức đầu tư trung bình cho một hecta Dưa hấu mùa mưa của nông dân là 16,7 triệu đồng/ha, thu nhập trung bình là 33,3 triệu đồng/ha và lợi nhuận trung bình là 16,3 triệu đồng/ha. Nhưng nếu nông dân lấy công làm lời và trừ khấu hao (màng phủ và làm đất) thì lợi nhuận là 18,5 triệu đồng/ha.



**Bảng 11: Hiệu quả kinh tế (triệu đồng/ha) trồng Dưa hấu trong mùa mưa tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Hạng mục	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổng chi	4,1	28,3	16,7	4,4
Giống	0,2	8,3	4,1	1,7
Màng phủ	1,5	5,0	2,7	0,8
Phân bón	0,2	7,0	2,8	1,0
Thuốc BVTV	0,1	5,7	3,1	2,0
Chi khác (làm đất, chăm sóc...)	2,1	2,2	4,0	1,5
Tổng thu	0,65	76,1	33,3	
Lợi nhuận	- 4,3	58,5	16,3	
Lợi nhuận (không tính công lao động và đã trừ khấu hao màng phủ và lên liếp)	- 2,3	59,5	18,5	

Bảng 12 cho thấy lợi nhuận của nông dân qua các mức là không như nhau. Nông dân trồng Dưa hấu mùa mưa trong vòng 2 tháng có mức lợi nhuận cao bình quân từ 10-20 triệu đồng/ha (38%). Kết quả phân tích lợi nhuận trong từng tỉnh cũng cho kết quả tương tự. Đây là mức lợi nhuận rất hấp dẫn đối với nông dân trồng Dưa hấu trong mùa mưa mà không một loại cây trồng nào so sánh được, có thể nói đây là cây trồng trên nền đất lúa mang lại hiệu quả kinh tế rất cao. Trong đó, mức lợi nhuận cao nhất là 58,5 triệu đồng/ha, thấp nhất là lỗ 4,3 triệu đồng/ha (chiếm 4,9%) và trung bình là 16,3 triệu đồng/ha. Tuy nhiên, lợi nhuận thu được bị ảnh hưởng bởi giá bán tại thời điểm thu hoạch.

**Bảng 12: Phần trăm số hộ có lợi nhuận trồng Dưa hấu trong mùa mưa (đã tính công lao động) tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Tổng lời (triệu đồng/ha)	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	3 tỉnh
Lỗ	4,9	2,6	8,3	4,9
< 5	8,2	1,8	19,4	8,5
5-9,9	22,9	7,9	20,8	15,4
10-19,9	37,8	39,5	36,2	38,0
20-29,9	18,0	29,8	15,3	22,7
> 30	8,2	18,4	0	10,5
Tổng số hộ	61	114	72	247
$\chi^2$	28,0**	81,6**	15,1**	

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%

### 3.9 Ảnh hưởng của các yếu tố kỹ thuật đến năng suất Dưa hấu

**Bảng 13: Tương quan giữa các yếu tố kỹ thuật đến năng suất cây Dưa hấu tại 3 tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang và Trà Vinh**

Kỹ thuật	Hệ số tương quan (r)			
	Cần Thơ	Tiền Giang	Trà Vinh	3 tỉnh
Biện pháp phủ liếp	0,381**	0,226ns	0,588**	0,296**
Sâu hại	0,047ns	-0,213ns	-0,284ns	-0,257**
Lượng N	-0,162ns	0,911**	0,685**	0,709**
Tổng lượng phân	0,06ns	0,232*	0,145ns	0,204**

ns: không ý nghĩa ý nghĩa thống kê.

\*: khác biệt có ý nghĩa thống kê 5%.

\*\* : khác biệt có ý nghĩa thống kê 1%.

Bảng 13 cho thấy các biện pháp phủ liếp, sâu hại, lượng N bón và tổng lượng phân có mối tương quan với năng suất đạt được ở mức ý nghĩa 1% và 5%, còn các yếu tố khác tương quan không ý nghĩa. Nhưng yếu tố thành phần sâu hại có mối tương quan nghịch, nông dân trồng Dưa hấu sâu phá hại nhiều thì năng suất sẽ càng giảm, còn các yếu tố biện pháp phủ liếp, lượng N và tổng lượng phân thì tương quan thuận, càng nhiều nông dân áp dụng biện pháp phủ plastic hoặc bón phân N và tổng lượng phân càng nhiều (nhưng phải

cân đối với Lân và Kali) thì năng suất sẽ càng tăng. Trong đó, yếu tố lượng N bón vào đất có mối tương quan khá chặt chẽ với yếu tố năng suất với hệ số tương quan  $r=0,709$ , còn các yếu tố khác chỉ tương quan ở mức trung bình. Kết quả trong từng tỉnh cũng được giải thích tương tự.

## 4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 4.1 Kết luận

Về biện pháp xử lý đất bằng thuốc hóa học thì nông dân Tiền Giang chiếm tỉ lệ cao nhất, riêng loại thuốc trừ sâu có độc tính cao, hạn chế sử dụng như Furadan có đến 60% nông hộ ở Trà Vinh và 40% ở Tiền Giang sử dụng. Tỉ lệ nông hộ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cao hơn khuyến cáo tập trung nhiều nhất ở Tiền Giang (32%), trong khi Cần Thơ và Trà Vinh dưới 10%.

Tỉ lệ 100% nông dân Tiền Giang phủ liếp bằng màng phủ nông nghiệp và có áp dụng biện pháp tía nhánh. Việc tự để giống Dưa hấu từ hạt lai F1 hoặc trồng giống Dưa hấu trái tròn đã làm giảm năng suất và chất lượng trái xuất hiện nhiều nhất ở Trà Vinh.

Năng suất trái bình quân trên 20t/ha cao nhất ở Cần Thơ (hơn 70%), trong khi ở Trà Vinh (42%) và thấp nhất (15%) ở Tiền Giang; nhưng tỉ lệ năng suất dưới 10t/ha cao nhất (16,7%) ở Trà Vinh. Lợi nhuận đạt được trên 20 triệu đồng/ha cao nhất ở Tiền Giang (48%) và thấp nhất ở Trà Vinh (chỉ có 15,3%)

### 4.2 Đề nghị

Cần Thực hiện nhiều mô hình trình diễn và hội thảo đầu bờ về một số giống Dưa hấu lai F1 chất lượng cao, thích hợp trồng mùa mưa, kết hợp sử dụng màng phủ nông nghiệp, bón phân hợp lý và hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu hóa học trên Dưa hấu tại các vùng trọng điểm của tỉnh Trà Vinh đồng thời tập huấn kỹ thuật canh tác Dưa hấu mùa mưa.

Tập huấn cho nông dân Tiền Giang giảm sử dụng thuốc trừ sâu hóa học trên cây Dưa hấu nhằm đảm bảo chất lượng dưa và bảo vệ môi sinh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đồng Thanh Liêm. So sánh hiệu quả các biện pháp tía nhánh trên năng suất Dưa hấu tại phường Bình Thủy-TPCT vụ xuân hè năm 2000. Tiểu luận tốt nghiệp đại học trường Đại Học Cần Thơ. 2001.
- Nhâm Thanh Tông. So sánh các tổ hợp phân bón NPK trên năng suất Dưa hấu vụ xuân hè năm 1997 tại Nông Trường Sông Hậu, huyện Ô Môn-Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp đại học trường Đại Học Cần Thơ. 1998.
- Nguyễn Thiện. Một số nguyên tắc chính trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên cây rau. Hội thảo huấn luyện và trao đổi kinh nghiệm sản xuất rau trái vụ ở các tỉnh phía Nam. Tập II. TP. Hồ Chí Minh 22-27/10/2001. 2001.
- Phạm Hồng Cúc. Kỹ thuật trồng Dưa hấu. NXB nông nghiệp-TP HCM. 2000.
- Phạm Hồng Cúc. Kỹ thuật trồng Dưa hấu mùa mưa. Hội thảo huấn luyện và trao đổi kinh nghiệm sản xuất rau trái vụ ở các tỉnh phía Nam. Tập I. Thành phố Hồ Chí Minh 22-27/10/2001. 2001.
- Phạm Văn Biên, Bùi Cách Tuyến và Nguyễn Mạnh Chinh. Cẩm nang thuốc bảo vệ thực vật. NXB nông nghiệp-TP HCM. 2000.
- Trần Ngọc Ân. Kỹ thuật trồng Dưa hấu. Trung tâm khuyến nông tỉnh Tiền Giang. 2000.
- Trần Thị Ba, Trần Thị Kim Ba và Phạm Hồng Cúc. Giáo trình trồng rau. Bộ Môn Khoa Học Cây Trồng. Khoa Nông Nghiệp. trường Đại Học Cần Thơ. 1999.
- Trần Thị Ba. Kỹ thuật trồng rau mùa mưa trên nền đất lúa sử dụng màng phủ plastic ở ĐBSCL. Hội thảo huấn luyện và trao đổi kinh nghiệm sản xuất rau trái vụ ở các tỉnh phía Nam. Tập II. Thành phố Hồ Chí Minh 22-27/10/2001. 2001.
- Trần Văn Hòa, Hứa Văn Chung, Trần Văn Hai, Dương Minh và Phạm Hoàng Oanh. 101 câu hỏi thường gặp trong sản xuất nông nghiệp. Tập 7. NXB Trẻ. 2000.
- William, J. and Jr. Lamont. The use of plastic mulches for vegetable production. Department of horticulture. Kansas State University Manhattan. KS66506. USA. Pp 1-2. 1991.